TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 278/2025/HNGĐ-ST Ngày: 16-6-2025 V/v: Ly hôn giữa bà Trần Thị L và ông Đoàn Quang T.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lương Việt Bằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Kim Thành

Bà Trịnh Thị Kim Cúc

- Thư ký phiên toà: Ông Lã Ngọc Tiền – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định vắng mặt tại phiên tòa: Ông Mai Hoàng Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 102/2025/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2025 về "Ly hôn" theo quyết đưa vụ án ra xét xử số 55/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2025 và quyết định hoãn phiên toà số 36/2025/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị L, sinh năm 1976; số CCCD: 036176010001; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Tổ dân phố Vị Dương cũ (nay là Tổ dân phố Bến), phường M, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn:* Ông Đoàn Quang T, sinh năm 1971; số CCCD: 036071000757; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Tổ dân phố Vị Dương cũ (nay là Tổ dân phố Bến), phường M, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Bà Trần Thị L, ông Đoàn Quang T có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Đoàn Quang T tự do tìm hiểu, kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới vào đầu năm 1999. Đến ngày 14-3-2000 hai bên đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định. Thời gian đầu vợ chồng chung sống bình thường, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai bên không hòa hợp, bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung nên hay xảy ra va chạm cãi vã, ông Tuấn không tôn trọng tình cảm vợ chồng. Hai bên đã cố gắng hoà giải, khắc phục nhưng do mâu thuẫn đã kéo dài, vợ chồng không đồng cảm với nhau nên cuộc sống căng thẳng, mệt mỏi vì vậy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng, trầm trọng. Nhận thấy tình cảm đối với ông Tuấn không còn, bà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Đoàn Quang T.

- Về con chung: Bà Trần Thị L xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Đoàn Thúy A, sinh ngày 04-8-1999 (Giới tính: Nữ) và Đoàn Hiệp A, sinh ngày 12-4-2004 (Giới tính: Nam). Do hai con chung đã trên 18 tuổi và có khả năng lao động tự lập được nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc giao nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Bà Trần Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại bản tự khai, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, ông Đoàn Quang T xác nhận về điều kiện, thời gian và nơi đăng ký kết hôn theo lời trình bày của bà L là đúng. Ông xác nhận quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm. Ông đã cố gắng giải thích động viên hòa giải để giải quyết mâu thuẫn nhưng chưa có kết quả nên bà L vẫn gửi đơn ra Tòa án yêu cầu giải quyết ly hôn. Nay ông nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng không có lý do để ly hôn và chỉ dừng lại ở mức độ đánh giá sai nguyên nhân mâu thuẫn nên ông đề nghị Tòa án tạo điều kiện hòa giải để vợ chồng ông được đoàn tụ. Nếu bà L vẫn cương quyết xin ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ông Đoàn Quang T xác nhận vợ chồng có hai con chung như bà L trình bày là đúng. Do con chung là Đoàn Thùy A và Đoàn Hiệp A đã trên 18 tuổi và có khả năng lao động tự lập được nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc giao nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Ông Đoàn Quang T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Tại biên bản xác minh thu thập chứng cứ của Tòa án, chính quyền địa phương nơi bà L và ông T cư trú đã cung cấp: Bà L và ông T cùng hai con là Đoàn Thùy A và Đoàn Hiệp A cùng cư trú tại Tổ dân phố V, phường M, thành phố Nam Định. Quá trình sinh sống tại địa phương, bà L và ông T có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể là gì thì địa phương không nắm rõ. Nay bà L có đơn xin ly hôn với ông T thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định tham gia phiên toà có quan điểm:

- Về quá trình tiến hành tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng quy định pháp luật về nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng nhiệm vụ quyền hạn theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã được Tòa án đảm bảo thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện quyền, nghĩa vụ đúng quy định.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014: Xử ly hôn giữa bà Trần Thị L và ông Đoàn Quang T.

Về con chung: Do hai con chung đã trên 18 tuổi và có khả năng lao động tự lập nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Bà L và ông T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Trần Thị L, ông Đoàn Quang T đã được đảm bảo về quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị L và ông Đoàn Quang T tự do tìm hiểu, kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đã đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường Q, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống của vợ chồng đã nảy sinh những bất đồng về tính cách, lối sống, không tìm được quan điểm chung nên xảy ra va chạm cãi vã. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, mặc dù Tòa án đã tiến hành hòa giải giữa các bên nhưng bà L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không tiếp tục hòa giải và cương quyết yêu cầu ly hôn với ông T; ông T thừa nhận có sai lầm trong tình cảm vợ chồng đối với bà L nhưng ông sẽ khắc phục và đề nghị bà L tiếp tục chung sống nhưng bà L vẫn không đồng ý. Qua đó cho thấy, tình cảm vợ chồng của bà L và ông T không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ, quan hệ hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên có căn cứ xử ly hôn giữa bà Trần Thị L và ông Đoàn Quang T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Bà Trần Thị L và ông Đoàn Quang T đều xác nhận hai con chung đã trên 18 tuổi và có khả năng lao động tự lập nên không yêu cầu giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Bà Trần Thị L và ông Doàn Quang Tuấn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị L là nguyên đơn nên phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự

năm 2015 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử ly hôn giữa bà Trần Thị L và ông Đoàn Quang T.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị L phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Liễu đã nộp theo biên lai số 0005036 ngày 21-10-2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

3. Quyền kháng cáo: Bà Trần Thị L, ông Đoàn Quang T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND tp. Nam Định;
- Chi cục THADS tp. Nam Định;
- UBND p. Q, tp. Nam Định;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Lương Việt Bằng